

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chấp thuận điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất và cập nhật
kế hoạch sử dụng đất hằng năm, huyện Hà Trung**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về việc sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Văn bản của Thủ tướng Chính phủ: số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 251/GP-UBND ngày 09/12/2021 về việc Giấy phép thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Vinh, huyện Hà Trung đối với Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn; số 252/GP-UBND ngày 09/12/2021 về việc Giấy phép thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Vinh, huyện Hà Trung và phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa đối với Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn; số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 về việc phê duyệt phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và điều chỉnh

quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện; số 2598/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất chuyên trồng lúa nước đã được phân bổ tại Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh; số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện Hà Trung;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1542/TTr-STNMT ngày 18/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất và cập nhật kế hoạch sử dụng đất hằng năm, huyện Hà Trung với các nội dung chính sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung danh mục 02 công trình, dự án vào khoản 5 Điều 2 và Phụ biểu số 07 ban hành kèm theo Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh: *Chi tiết theo Phụ biểu số 01 kèm theo.*

2. Điều chỉnh bổ sung các chỉ tiêu sử dụng đất của các loại đất tại khoản 1 Điều 2 và Phụ biểu số 03.1 của Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh, cụ thể:

a) Tăng chỉ tiêu sử dụng đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS) với diện tích 33,4598 ha tại xã Hà Vinh.

b) Giảm chỉ tiêu sử dụng đất chưa sử dụng (CSD) với diện tích 33,4598 ha tại xã Hà Vinh.

(Chi tiết theo Phụ biểu số 02 kèm theo)

3. Điều chỉnh, bổ sung tăng chỉ tiêu đưa đất chưa sử dụng (CSD) vào sử dụng vào khoản 4 Điều 2 và Phụ biểu số 06.1 ban hành kèm theo Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh với diện tích 33,4598 ha tại xã Hà Vinh: *Chi tiết theo Phụ biểu số 03 kèm theo.*

4. Các nội dung, chỉ tiêu sử dụng đất khác không thay đổi, điều chỉnh tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác, sự phù hợp của không gian và số liệu diện tích, loại đất, chỉ tiêu sử dụng đất đã được UBND tỉnh phân bổ, phê duyệt tại các Quyết định: Số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022, số 2598/QĐ-UBND ngày 20/7/2023, số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023; hướng dẫn UBND huyện Hà Trung và các đơn vị có liên quan theo dõi, cập nhật chỉ tiêu sử dụng đất vào kế hoạch sử dụng đất hằng năm trình cấp thẩm quyền phê duyệt; hoàn thiện đầy đủ hồ sơ về đầu tư, sử dụng đất, khoáng sản, sử dụng rừng, xây dựng, bảo vệ môi

trường... mới triển khai dự án theo đúng quy định của pháp luật.

2. UBND huyện Hà Trung thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn; cập nhật các chỉ tiêu sử dụng đất được bổ sung, điều chỉnh vào hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hằng năm trình cấp thẩm quyền phê duyệt; chấp hành thực hiện nghiêm túc chỉ tiêu sử dụng đất đã được UBND tỉnh phân bổ tại các Quyết định: Số 2907/QĐ-UBND ngày 26/8/2022, số 2598/QĐ-UBND ngày 20/7/2023, số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023; thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, hồ sơ về đầu tư, sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng, xây dựng, khoáng sản, bảo vệ môi trường và các quy định khác liên quan mới triển khai dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương; UBND huyện Hà Trung và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NN.
(MC201.11.23)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

Phụ biểu số 01:

Hạng mục công trình
Điều chỉnh, bổ sung thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm, huyện Hà Trung
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

TT	Công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích thực hiện kế hoạch	Sử dụng vào loại đất	Văn bản chủ trương đầu tư; nguồn vốn đầu tư của cơ quan có thẩm quyền	Trích lục hoặc trích đo vị trí khu đất	Đã được HĐND thông qua danh mục thu hồi đất	Ghi chú
I	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản							
1	Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Vinh, huyện Hà Trung	Xã Hà Vinh	21,6000	SKS	Giấy phép thăm dò khoáng sản số 251/GP-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 705/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 01/11/2023		
2	Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Vinh, huyện Hà Trung	Xã Hà Vinh	11,8598	SKS	Giấy phép thăm dò khoáng sản số 252/GP-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 704/TLBĐ do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 01/11/2023		

Phụ biểu số 02:

**Bảng điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất
trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm, huyện Hà Trung**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 được duyệt tại Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt tại Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 điều chỉnh, bổ sung	Xã Hà Vinh		
						So sánh (Tăng, giảm)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 điều chỉnh, bổ sung
I	Loại đất							
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		24.393,86	24.393,86	24.393,8600		1720,07	1.720,0700
1	Đất nông nghiệp	NNP	16.287,36	16.592,87	16.592,8700		843,06	843,0600
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.266,06	6.454,69	6.454,6900		390,14	390,1400
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	5.471,69	5.481,22	5.481,2200		364,28	364,2800
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	660,69	1.365,87	1.365,8700		41,12	41,1200
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.703,56	1.334,44	1.334,4400		131,20	131,2000
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.250,80	1.472,67	1.472,6700			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	663,53	411,2	411,2000			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.934,82	4.292,73	4.292,7300		137,98	137,9800
-	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	220,7					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.067,45	678,86	678,8600		87,29	87,2900
1.8	Đất làm muối	LMU						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	740,44	582,42	582,4200		55,32	55,3200
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.370,63	6.630,74	6.664,1998	33,4598	503,19	536,6498
2.1	Đất quốc phòng	CQP	896,13	694	694,0000			
2.2	Đất an ninh	CAN	8,15	1,75	1,7500			
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	250	157,83	157,8300			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	233	146,31	146,3100			
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	118,21	17,31	17,3100		0,16	0,1600
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	155,62	109,23	109,2300		0,09	0,0900

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 được duyệt tại Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt tại Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 điều chỉnh, bổ sung	Xã Hà Vinh		
						So sánh (Tăng, giảm)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 điều chỉnh, bổ sung
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	740,99	500,7	534,1600	33,4598	192,26	567,6198
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	43,58	55,31	55,3100			
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.807,48	2.685,02	2.685,0200		130,49	130,4900
-	Đất giao thông	DGT	1.658,62	1.644,98	1.644,9800		66,72	66,7200
-	Đất thủy lợi	DTL	571,13	556,81	556,8100		34,03	34,0300
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	38,33	35,71	35,7100		2,66	2,6600
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,74	9,64	9,6400		0,09	0,0900
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	68,8	64,7	64,7000		2,60	2,6000
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	127,35	35,98	35,9800		0,74	0,7400
-	Đất công trình năng lượng	DNL	6,51	1,7	1,7000		0,01	0,0100
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,23	1,14	1,1400		0,07	0,0700
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0,88					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	26,75	44,4	44,4000			
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	20,41	12,89	12,8900			
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	10,6	12,45	12,4500		2,73	2,7300
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	228,17	228,23	228,2300		20,31	20,3100
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	23,12	23,12	23,1200			
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH						
-	Đất chợ	DCH	15,85	13,26	13,2600		0,53	0,5300
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL						
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH						
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	20,02	18,92	18,9200		0,71	0,7100
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.389,58	1.212,89	1.212,8900		104,92	104,9200
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	148,1	89,43	89,4300			
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	26,78	26,33	26,3300		0,67	0,6700
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,07	3,54	3,5400			
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 được duyệt tại Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt tại Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 điều chỉnh, bổ sung	Xã Hà Vinh		
						So sánh (Tăng, giảm)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 điều chỉnh, bổ sung
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	50,92	20,25	20,2500		5,07	5,0700
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	443,06	503,71	503,7100		66,03	66,0300
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	33,82	387,2	387,2000		2,77	2,7700
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,11	0,99	0,9900			
3	Đất chưa sử dụng	CSD	735,88	1.170,25	1.136,7902	-33,4598	373,83	340,3702

Phụ biểu số 03:

**Bảng điều chỉnh chỉ tiêu đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng
trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm, huyện Hà Trung**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2023 được duyệt tại Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2023 sau điều chỉnh	Xã Hà Vinh		
					So sánh (Tăng, giảm)	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 được duyệt	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 sau điều chỉnh
1	Đất nông nghiệp	NNP	9,67	9,6700			
1.1	Đất trồng lúa	LUA					
-	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					
-	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS					
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	9,67	9,6700			
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	42,65	76,1098	33,4598	8,50	41,9598
2.1	Đất quốc phòng	CQP					
2.2	Đất an ninh	CAN					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN					

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2023 được duyệt tại Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2023 sau điều chỉnh	Xã Hà Vinh		
					So sánh (Tăng, giảm)	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 được duyệt	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 sau điều chỉnh
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,06	0,0600			
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,89	0,8900			
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	32,12	65,5798	33,4598	8,50	41,9598
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4,73	4,7300			
-	Đất giao thông	DGT	3,74	3,7400			
-	Đất thủy lợi	DTL	0,7	0,7000			
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	0,01	0,0100			
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT					
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,07	0,0700			
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT					
-	Đất công trình năng lượng	DNL					
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV					
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT					
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA					
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,2	0,2000			
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD					
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH					
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH					
-	Đất chợ	DCH					

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2023 được duyệt tại Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2023 sau điều chỉnh	Xã Hà Vinh		
					So sánh (Tăng, giảm)	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 được duyệt	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 sau điều chỉnh
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,55	0,5500			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,96	2,9600			
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1,33	1,3300			
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC					
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN					
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					